

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

MỤC LỤC

Trang

- | | |
|---|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 01 - 02 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 - 04 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 05 - 06 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 07 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 08 |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 08/5/2020.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 17.257.000.000 đồng

Vốn thực tế 17.256.635.403 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 140 Phan Văn Trị, phường 12, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3516 2933

Mã số thuế: 0303218213

Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên:	Chức vụ
- Ông Hoàng Quốc Tiến	Chủ tịch
- Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Thành viên

Kiểm soát viên	Chức vụ
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
- Ông Lê Trí Bá	Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Nga	Phó Giám đốc
- Bà Lâm Thị Hoàng Hương	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Anh Quân	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Lê Trí Bá
Giám đốc

Số ~~038~~ 2022/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh, được lập ngày 23 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận nợ phải thu khách hàng (thuyết minh tại V.02). Với các tài liệu hiện có, Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và giá trị của các khoản số dư này.



(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

- Công ty ghi nhận nguồn kinh phí sự nghiệp gồm các nguồn sau đây: Nguồn thu và chi hộ ngân sách về cho thuê/bán nhà ở và nhà SXKD thuộc sở hữu của Nhà nước; Nguồn thu 5% của giá bán căn hộ (2% chi phí quản lý, 3% chi phí duy tu bảo dưỡng); Nguồn kinh phí quản lý đất nền và Nguồn khác. Công ty sử dụng tài khoản 161-chi sự nghiệp để ghi chi, tài khoản 461 để ghi thu. Các hoạt động thu-chi này Công ty thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Sở tài chính thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31/12/2021 Công ty tạm kết chuyển phải nộp về ngân sách thành phố Hồ Chí Minh số tiền 9.299.052.082 đồng

- Công ty tạm trích quỹ tiền lương năm 2021 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 513/TB-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh. Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2021.

- Quỹ tiền lương năm 2020 đã được phê duyệt theo Thông báo số 111/TB-UBND ngày 28 tháng 04 năm 2021 xác định Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và thẩm định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện người quản lý của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận Bình Thạnh năm 2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

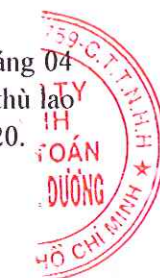


Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1

Nguyễn Thị Bích Thủy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2018-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2021	TẠI NGÀY 01/01/2021
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		183.329.839.179	408.166.533.091
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.446.036.631	289.987.234.571
1. Tiền	111	V.01	44.446.036.631	283.987.234.571
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.314.081.176	59.108.434.467
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	68.685.971.412	51.946.263.982
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	838.207.104	611.588.644
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.789.902.660	6.550.581.841
IV. Hàng tồn kho	140		59.379.121.933	59.070.864.053
1. Hàng tồn kho	141	V.05	59.379.121.933	59.070.864.053
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		190.599.439	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		190.599.439	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.685.736.417	23.084.699.459
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.891.735.407	8.965.416.686
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	13.891.735.407	8.965.416.686
Nguyên giá	222		32.231.707.051	25.867.248.838
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.339.971.644)	(16.901.832.152)
II. Bất động sản đầu tư	230		13.794.001.010	13.837.057.079
Nguyên giá	231	V.08	21.479.206.974	21.530.520.583
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.685.205.964)	(7.693.463.504)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	270.725.694
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	-	270.725.694
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	11.500.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	-	11.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		211.015.575.596	431.251.232.550

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2021	TẠI NGÀY 01/01/2021
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		148.262.786.685	368.887.699.460
I. Nợ ngắn hạn	310		142.550.936.685	365.614.921.460
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	10.875.949.690	9.210.760.627
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	91.938.200	6.227.319.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	31.719.885.416	28.550.454.095
4. Phải trả người lao động	314	V.13	11.509.169.324	12.890.427.644
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	18.993.374.984	14.794.861.205
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	60.621.564.796	287.099.584.955
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1.985.928.000	1.085.928.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.753.126.275	5.755.585.453
II. Nợ dài hạn	330		5.711.850.000	3.272.778.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	5.711.850.000	3.272.778.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.752.788.911	62.363.533.090
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	35.777.582.018	35.443.487.380
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.256.635.403	17.256.635.403
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.520.946.615	18.186.851.977
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.473.739.143	8.713.112.834
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.047.207.472	9.473.739.143
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.19	26.975.206.893	26.920.045.710
1. Nguồn kinh phí	431		9.328.568.968	9.230.351.716
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		17.646.637.925	17.689.693.994
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		211.015.575.596	431.251.232.550

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Tiến Khoa



Nguyễn Anh Quân



Lê Trí Bá

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2021	NĂM 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	158.176.044.817	162.827.086.852
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.675.543.661	32.004.525.961
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		134.500.501.156	130.822.560.891
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	114.767.508.178	112.109.536.747
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.732.992.978	18.713.024.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	299.405.323	727.393.300
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	177.924.618	139.311.824
- trong đó: chi phí lãi vay	23		177.924.618	139.311.824
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	9.437.289.735	8.453.330.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.417.183.948	10.847.774.684
11. Thu nhập khác	31	VI.06	103.174.711	169.281.079
12. Chi phí khác	32	VI.07	349.971	1.080.015
13. Lợi nhuận khác	40		102.824.740	168.201.064
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.520.008.688	11.015.975.748
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.472.801.216	1.542.236.605
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.047.207.472	9.473.739.143

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Tiến Khoa

Nguyễn Anh Quân

Lê Trí Bá

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2021	NĂM 2020
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		64.884.620.355	84.881.930.961
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(47.868.165.090)	(69.271.202.128)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(46.668.032.956)	(50.743.685.188)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(177.924.618)	(139.311.824)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(939.316.704)	(2.250.469.211)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		102.542.122.040	808.338.803.073
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(321.316.163.323)	(553.015.752.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(249.542.860.296)	217.800.313.303
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		6.364.458.213	
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		298.132.143	727.245.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.662.590.356	727.245.487
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.500.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.160.928.000)	(761.782.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.339.072.000	(761.782.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(239.541.197.940)	217.765.776.790
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		289.987.234.571	72.221.457.781
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		50.446.036.631	289.987.234.571

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Tiến Khoa



Nguyễn Anh Quân



Lê Trí Bá

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 08/5/2020.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 17.257.000.000 VND

- Vốn thực tế: 17.256.635.403 VND

Trụ sở đặt tại: Số 140 Phan Văn Trị, phường 12, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có tổng cộng 382 cán bộ và nhân viên.

5. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Thực tế đích danh

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ: Dịch vụ về chăm sóc bảo quản công viên cây xanh thuộc đối tượng không chịu thuế; Dịch vụ về vệ sinh, thoát nước đường phố và các hoạt động khác thuộc đối tượng chịu thuế với thuế suất 10%. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai với thuế suất 20%. Các loại thuế khác Công ty thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ	5.226.130.249	4.090.235.568
- Tiền mặt tại quỹ VNĐ	4.081.210.249	3.047.775.568
- Vàng bạc, kim khí, đá quý (Tương đương 188 chỉ vàng SJC)	1.144.920.000	1.042.460.000
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	39.219.906.382	279.896.999.003
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	21.265.707.879	33.038.684.806
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	44.516.240	44.427.303
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	4.189.878.612	230.103.483.004
- Ngân hàng TMCP Quân đội - MBBank	13.719.803.651	16.710.403.890
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	50.446.036.631	289.987.234.571

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	31/12/2021	01/01/2021
2. Phải thu khách hàng		
<i>a. Ngắn hạn</i>		
- Phòng tài chính kế hoạch Quận Bình Thạnh	3.187.618.182	3.187.618.182
- UBND Quận Bình Thạnh - KP VCR 2017	-	2.749.947.608
- BQL ĐTXDCT Quận Bình Thạnh - KP thu gom, VCR	25.457.074.519	11.445.552.085
- BQL ĐTXDCT Quận Bình Thạnh - CX	946.480.028	1.127.893.620
- BQL ĐTXDCT Quận Bình Thạnh - Duy tu đường bộ	434.035.120	1.340.738.894
- BQL ĐTXDCT Quận Bình Thạnh - XD Công trình	15.939.144.199	13.737.500.262
- Các công nợ cá nhân, DN - DV nhà SHNN	18.993.374.984	14.794.861.205
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố	1.536.693.412	1.536.693.412
- Công ty TNHH XD KD nhà Nhật Thành - Xây dựng công viên 13.6 ha tại phường 13	1.222.797.000	1.222.797.000
- Các khách hàng khác	968.753.968	802.661.714
Tổng cộng	68.685.971.412	51.946.263.982
3. Trả trước cho người bán	31/12/2021	01/01/2021
- Công ty CP Cấp nước Gia Định	256.274.604	256.274.604
- Công ty TNHH MTV Sơn Sang	475.923.000	-
- Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương	-	44.000.000
- Công ty CP Chứng khoán ASC	49.500.000	49.500.000
- Công ty Kiểm toán CPA Việt Nam	49.500.000	49.500.000
- CN Công ty VISSAN-XN CBKDTP	-	78.134.540
- DNTN Tâm Hồng Sơn	-	60.000.000
- Các nhà cung cấp khác	7.009.500	74.179.500
Tổng cộng	838.207.104	611.588.644

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- UBND Q.Bình Thạnh (Giải tỏa lô 4 lô 6 CX Thanh Đa)	-		595.593.607	
- Ký quỹ ở Phòng QLĐT	51.917.200		51.917.200	
- BHXH, BHYT	174.114.659		185.709.774	
- Tạm ứng				
Nguyễn Ngọc Nga	380.659.500		425.659.500	
Phạm Đình Nghị	194.848.730		194.848.730	
Trịnh Huy Dưỡng	359.410.000		359.410.000	
Đỗ Thích	517.356.910		1.927.102.244	
Phạm Xuân Quang	370.719.089		30.000.000	
Nguyễn Văn Cứ	211.953.856		247.644.456	
Nguyễn Tấn Huy	425.099.429		628.816.670	
Các cá nhân khác	171.263.400		332.000.000	
- Ký quỹ thực hiện bảo lãnh tại ngân hàng TMCP Công thương	740.209.219		1.474.029.849	
- Ký quỹ, ký cược khác	95.000.000		95.000.000	
- Phải thu khác	97.350.668		2.849.811	
Tổng cộng	3.789.902.660	-	6.550.581.841	-

5. Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ, dụng cụ	169.000.000		-	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	59.210.121.933		59.070.864.053	
Tổng cộng	59.379.121.933	-	59.070.864.053	-

(*) Chi tiết các chi phí SXKD dở dang như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí thi công công trình	906.262.959	3.068.051.087
Chi phí SXKD DV vệ sinh	5.964.704.928	4.813.904.044
Chi phí Dự án nhà ở P.13 _HM tổng thể	52.339.154.046	51.188.908.922
Tổng cộng	59.210.121.933	59.070.864.053



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
- Chi phí sửa chữa công viên Lô I	190.599.439	207.926.661	17.327.222	-
Tổng cộng	190.599.439	207.926.661	17.327.222	-

b. Dài hạn

	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
- Chi phí chờ phân bổ	-	61.743.286	73.243.286	11.500.000
Tổng cộng	-	61.743.286	73.243.286	11.500.000



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Nhà sản xuất, kinh doanh	Nhà ở	Nhà chung cư	Bất động sản khác	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2021	3.880.368.661	17.315.016.797	335.135.125	-	21.530.520.583
Giảm trong năm	(28.828.800)	(22.484.809)			(51.313.609)
Số dư ngày 31/12/2021	3.851.539.861	17.292.531.988	335.135.125	-	21.479.206.974
Khấu hao lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2021	1.652.282.108	6.041.181.396	-	-	7.693.463.504
Giảm trong năm	(2.070.000)	(6.187.540)			(8.257.540)
Số dư ngày 31/12/2021	1.650.212.108	6.034.993.856	-	-	7.685.205.964
Giá trị còn lại					
Số dư ngày 01/01/2021	2.228.086.553	11.273.835.401	335.135.125		13.837.057.079
Số dư ngày 31/12/2021	2.201.327.753	11.257.538.132	335.135.125	-	13.794.001.010

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Tài sản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2021	01/01/2021
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	270.725.694
Tổng cộng	-	270.725.694

10. Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
<i>Ngắn hạn</i>	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vật tư công trình	1.519.705.722	1.519.705.722	2.117.957.334	2.117.957.334
- Công ty TNHH MTV TM DV Hoa Kiểng Hùng Sơn	1.045.880.242	1.045.880.242	1.045.880.242	1.045.880.242
- Đối tượng khác	473.825.480	473.825.480	1.072.077.092	1.072.077.092
Người nhận thầu	7.522.867.952	7.522.867.952	5.952.068.374	5.952.068.374
- Công ty CP DVĐT Tấn Minh	50.000.900	50.000.900	50.000.900	50.000.900
- Công ty TNHH PT Đô thị An Phước	1.692.761.370	1.692.761.370	1.631.715.720	1.631.715.720
- Ông Lê Phước Lộc	-	-	341.679.181	341.679.181
- Ông Phạm Ngọc Phụng	3.282.937.994	3.282.937.994	767.745.398	767.745.398
- Ông Nguyễn Tấn Huy	1.654.140.917	1.654.140.917	2.108.224.189	2.108.224.189
- Ông Phạm Xuân Quang	80.850.000	80.850.000	80.850.000	80.850.000
- Ông Phạm Đình Nghị	350.360.356	350.360.356	350.360.356	350.360.356
- Đối tượng khác	411.816.415	411.816.415	621.492.630	621.492.630
Dịch vụ vệ sinh	1.394.661.696	1.394.661.696	1.065.528.840	1.065.528.840
- Lê Minh Vũ-VCR Xe ép 51C-356.81	424.521.652	424.521.652	358.986.049	358.986.049
- Lê Thanh Tươi-VCR Xe ép 51C-978.42	446.519.204	446.519.204	173.207.102	173.207.102
- Lê Thanh Tươi-VCR Xe ép 51D-08.029	230.201.154	230.201.154	239.916.003	239.916.003
- Lê Thanh Tươi-VCR 2019 Xe ép-7579	293.419.686	293.419.686	293.419.686	293.419.686

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Dự án	75.206.079	75.206.079	75.206.079	75.206.079
Công ty TNHH Ngọc Quang Minh	16.445.223	16.445.223	16.445.223	16.445.223
- Quỹ Phát Triển Nhà ở TP HCM	58.760.856	58.760.856	58.760.856	58.760.856
Dịch vụ công viên, cây xanh	363.508.241	363.508.241	-	-
- Công ty TNHH TM DV Thiên K	31.200.000	31.200.000	-	-
- Cơ sở hoa kiểng Hùng Hậu	259.126.000	259.126.000	-	-
- Nguyễn Thị Bích Bằng	73.182.241	73.182.241	-	-
Tổng cộng	10.875.949.690	10.875.949.690	9.210.760.627	9.210.760.627
11. Người mua trả tiền trước	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ban QL ĐTXD KV Q. BT Đường D3, Trường TH P17	-	-	173.376.000	173.376.000
- Ban QL ĐTXD KV Q. BT Xây mới trường MN -22	-	-	5.179.955.077	5.179.955.077
- Ban QL ĐTXD KV Q. BT S/ch Trụ sở Công an P6	14.941.576	14.941.576	35.226.260	35.226.260
- Dịch vụ chung cư	17.600.000	17.600.000	633.498.360	633.498.360
- Các khách hàng khác	59.396.624	59.396.624	205.263.784	205.263.784
Tổng cộng	91.938.200	91.938.200	6.227.319.481	6.227.319.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	31/12/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2021
- Thuế GTGT	2.297.520.838	14.787.469.722	15.843.543.362	3.353.594.478
- Thuế TNDN	1.690.917.097	1.472.801.216	939.316.704	1.157.432.585
- Thuế TNCN	124.588.509	205.646.263	91.075.569	10.017.815
- Tiền thuê đất	18.307.806.890	4.104.583.543	2.487.791.032	16.691.014.379
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản nộp về nhà SHNN (**)	9.299.052.082	9.299.052.082	7.338.394.838	7.338.394.838
Tổng cộng	31.719.885.416	29.872.552.826	26.703.121.505	28.550.454.095

trong đó:

Thuế và các khoản còn phải nộp Nhà nước:

	31/12/2021	01/01/2021
- Thuế GTGT	2.297.520.838	3.353.594.478
- Thuế TNDN	1.690.917.097	1.157.432.585
- Thuế TNCN	124.588.509	10.017.815
- Tiền thuê đất	18.307.806.890	16.691.014.379
- Các khoản nộp về nhà SHNN (**)	9.299.052.082	7.338.394.838
Tổng cộng	31.719.885.416	28.550.454.095

(**) Theo hướng dẫn của công văn số 6047/UBND-CNN ngày 13/11/2013 về việc quản lý, sử dụng tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố là đại diện chủ sở hữu đang tạm giao cho các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước quản lý giữ hộ thì tiền thu được từ việc cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước sau khi khấu trừ chi phí quản lý và các chi phí hợp lệ khác được nộp vào một mục riêng của ngân sách thành phố.

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định của Cơ quan Thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo Quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

13. Phải trả công nhân viên	31/12/2021	01/01/2021
- Lương nhân viên văn phòng	691.606.811	1.595.127.760
- Lương bộ phận dịch vụ vệ sinh	7.442.195.466	5.749.941.709
- Lương bộ phận quản lý nhà	2.353.093.545	4.815.612.366
- Lương viên nhân viên công viên cây xanh	391.920.255	155.642.557
- Lương viên chức quản lý	630.353.247	574.103.252
Tổng cộng	11.509.169.324	12.890.427.644

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2020 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ (Thuyết minh số V12). Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2021.

14. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2021	01/01/2021
- Doanh thu chưa thực hiện	18.993.374.984	14.794.861.205
Tổng cộng	18.993.374.984	14.794.861.205

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền được tích lũy tương ứng với khoản phải thu nhà sở hữu nhà nước, các khoản này Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo cơ sở thực thu.

15. Phải trả khác	31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	149.103.476	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	1.223.916.852	848.817.152
- Lãi thu hộ chung cư tái định cư	2.714.482.311	2.412.292.437
- Lãi phạt - thu hộ chung cư tái định cư	3.539.543.236	2.664.203.565
- Lương công nhân viên	2.606.654.509	2.634.749.627
- Phải trả kinh phí sửa chữa chung cư 1050 căn- Viettracimex.	50.000.000	50.000.000
- Kinh phí sửa chữa chung cư 500D - Công ty CP Xây Dựng 5	2.237.751.415	2.237.751.415
- Công ty CP Phát triển nhà Thanh Đa	-	225.763.384.817
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Phúc Gia	9.854.000.000	9.854.000.000
- Công ty CP Địa ốc Sài Gòn (thực hiện dự án Phường 13)	424.251.280	424.251.280
- Công ty CP XD và KD Nhà Đại Phúc (thực hiện dự án Phường 13)	719.000.000	719.000.000
- UBND Quận Bình Thạnh	65.640.257	65.640.257
- Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh	400.000.000	400.000.000
- Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh, Công ty ĐTTTC, NS Quận BT... (các khoản thu tiền nhà trả góp chung cư + nền đất tái định cư)	35.687.559.136	38.191.073.518
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	949.662.324	834.420.887
Tổng cộng	60.621.564.796	287.099.584.955

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
Quỹ khen thưởng	3.775.727.742	4.323.841.833	4.254.725.347	3.706.611.256
Quỹ phúc lợi	2.754.453.157	4.293.201.833	3.415.967.129	1.877.218.453
Quỹ thưởng ban điều hành	222.945.376	176.709.168	125.519.536	171.755.744
Tổng cộng	6.753.126.275	8.793.752.834	7.796.212.012	5.755.585.453



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. Vay và nợ thuế tài chính	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Ngân hạn</i>						
<i>Trích Nợ vay dài hạn phải trả trong năm 2022</i>						
- Hợp đồng số 03-2019/HĐTD-QBVMT	463.968.000	463.968.000	463.968.000	463.968.000	463.968.000	463.968.000
- Hợp đồng số 13-2020/HĐTD-QBVMT	621.960.000	621.960.000	621.960.000	621.960.000	621.960.000	621.960.000
- Hợp đồng số 09.2021/HĐTD-QBVMT	900.000.000	900.000.000	900.000.000	-	-	-
Tổng cộng	1.985.928.000	1.985.928.000	1.985.928.000	1.085.928.000	1.085.928.000	1.085.928.000
<i>b. Dài hạn</i>						
<i>Vay của Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh:</i>						
- Hợp đồng số 03-2019/HĐTD-QBVMT	579.920.000	579.920.000	-	463.968.000	1.043.888.000	1.043.888.000
- Hợp đồng số 13-2020/HĐTD-QBVMT	1.606.930.000	1.606.930.000	-	621.960.000	2.228.890.000	2.228.890.000
- Hợp đồng số 09.2021/HĐTD-QBVMT	3.525.000.000	3.525.000.000	4.500.000.000	975.000.000	-	-
Tổng cộng	5.711.850.000	5.711.850.000	4.500.000.000	2.060.928.000	3.272.778.000	3.272.778.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 03-2019/HĐTD-QBVMT ngày 07 tháng 03 năm 2019 với thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay: 4,27%/năm. Mục đích vay mua xe thu gom, vận chuyển rác, tài sản thế chấp là 03 chiếc xe ép rác mua mới: xe hiệu THACO biển số 51D 459.60 và xe THACO biển số 51D 459.65.
- Hợp đồng tín dụng số 13-2020/HĐTD-QBVMT ngày 30 tháng 6 năm 2020 với thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay: 4,27%/năm. Mục đích mua xe thu gom, vận chuyển rác, tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ép rác mua mới: xe ISUZU biển số 51D-611.58 và xe ISUZU biển số 51D-611.86.
- Hợp đồng tín dụng 09.2021/HĐTD-QBVMT ngày 06 tháng 12 năm 2021 với thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay: 4,00%/năm. Mục đích mua xe thu gom, vận chuyển rác, tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ép rác hiệu ISUZU biển số 50H-099.63 và xe hiệu ISUZU biển số 510H-099.89.

* Tại ngày 31/12/2021, Công ty trích nợ dài hạn hạn trả: 1.985.928.000 đồng.

* Chi tiết tăng, giảm khoản vay trong năm 2022 như sau:

Số dư đầu năm:	4.358.706.000
Nhận nợ mới	4.500.000.000
Trả nợ trong năm	1.160.928.000
Số dư cuối năm:	7.697.778.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	17.256.635.403	17.401.315.320	34.657.950.723
Lãi trong năm trước	-	9.473.739.143	9.473.739.143
Trích lập các quỹ	-	(8.688.202.486)	(8.688.202.486)
Số dư tại ngày 31/12/2020	17.256.635.403	18.186.851.977	35.443.487.380
Lãi trong năm nay	-	9.047.207.472	9.047.207.472
Trích lập quỹ KT, PL	-	(8.713.112.834)	(8.713.112.834)
Số dư tại ngày 31/12/2021	17.256.635.403	18.520.946.615	35.777.582.018



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2021	01/01/2021
Vốn của nhà nước	17.256.635.403	17.256.635.403
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2021	Năm 2020
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn vào ngày 01/01	17.256.635.403	17.256.635.403
+ Vốn vào ngày 31/12	17.256.635.403	17.256.635.403
19. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí (***)	Năm 2021	Năm 2020
+ Số dư đầu năm	9.230.351.716	3.500.075.953
+ Thu sự nghiệp trong năm	23.993.817.770	39.571.023.228
- Thu hộ ngân sách về cho thuê/bán nhà ở và nhà SXKD thuộc sở hữu của Nhà nước	23.675.543.661	38.578.440.741
- Thu 2% chi phí quản lý chung cư	36.034.249	163.207.257
- Thu 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	126.044.914	773.504.408
- K/c kinh phí sửa chữa nhà	156.194.946	55.870.822
+ Chi sự nghiệp trong năm	(23.895.600.518)	(33.840.747.465)
- Chi hộ ngân sách về cho thuê/bán nhà ở và nhà SXKD thuộc sở hữu của Nhà nước	(13.493.981.557)	(32.004.525.961)
- Chi 2% chi phí quản lý chung cư	(145.300.000)	(236.357.036)
- Chi 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	(794.769.464)	(1.186.433.051)
- Chi phí cho quản lý đất nền	(10.810.000)	(413.431.417)
- Chi sửa chữa nhà	(151.687.415)	-
- K/c về phải nộp ngân sách Nợ 461/Có 3339	(9.299.052.082)	-
+ Số dư cuối năm	9.328.568.968	9.230.351.716

(***) Công ty ghi nhận nguồn kinh phí sự nghiệp gồm các nguồn sau đây: Nguồn thu và chi hộ ngân sách về cho thuê/bán nhà ở và nhà SXKD thuộc sở hữu của Nhà nước; Nguồn thu 5% của giá bán căn hộ (2% chi phí quản lý, 3% chi phí duy tu bảo dưỡng); Nguồn kinh phí quản lý đất nền và Nguồn khác. Công ty sử dụng tài khoản 161-chi sự nghiệp để ghi chi, tài khoản 461 để ghi thu. Các hoạt động thu-chi này Công ty thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Sở tài chính thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31/12/2021 Công ty tạm kết chuyển phải nộp về ngân sách thành phố Hồ Chí Minh số tiền 9.299.052.082 đồng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Năm 2021	Năm 2020
Số dư đầu năm	17.689.693.994	17.845.934.262
Giảm trong năm	43.056.069	156.240.268
Số dư cuối năm	17.646.637.925	17.689.693.994

19. Các khoản mục ngoài Bảng CĐKT	31/12/2021		01/01/2021		
	Kim khí quý, đá quý:	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	- Vàng	18,8 lượng	1.144.920.000	18,8 lượng	1.042.460.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2021	Năm 2020
trong đó:	158.176.044.817	162.827.086.852
Doanh thu công trình kinh doanh	24.409.648.982	24.540.138.145
Doanh thu công trình công ích	28.711.063.548	26.073.604.470
Doanh thu quét thu gom rác	49.304.728.021	49.090.264.008
Doanh thu vận chuyển rác	10.573.611.544	9.126.594.240
Doanh thu dịch vụ vệ sinh	7.602.706.579	8.998.959.319
Doanh thu đội công viên cây xanh	6.340.435.222	5.676.043.944
Doanh thu duy tu đường bộ	1.436.297.636	1.558.178.187
Doanh thu hoạt động khác	636.332.363	714.625.636
Doanh thu Quản lý nhà - cho thuê ở	14.000.878.378	19.171.723.315
Doanh thu Quản lý nhà -Nhà SXKD	9.674.665.283	17.876.955.592
Doanh thu Quản lý nhà -dịch vụ quản lý chung cư	5.485.677.261	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	23.675.543.661	32.004.525.961
trong đó:		
Phí vệ sinh, BVMT...		
Nguồn thu nhà SHNN, công tác thu phí vệ sinh	23.675.543.661	23.004.503.428
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.500.501.156	130.822.560.891

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Năm 2021	Năm 2020
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn công trình kinh doanh	22.830.961.151	22.895.170.478
Giá vốn công trình công ích	26.458.123.367	24.005.035.360
Giá vốn quét thu gom rác VS CI	40.188.738.201	40.572.011.269
Giá vốn dịch vụ vệ sinh VS KD	2.138.187.572	2.526.541.013
Giá vốn vận chuyển rác	10.869.474.058	10.644.648.236
Giá vốn Quản lý chung cư	4.757.984.902	4.391.640.111
Giá vốn CVCX - CI và KD	5.729.704.064	5.118.148.075
Giá vốn duy tu đường bộ	1.323.045.863	1.436.355.205
Giá vốn hoạt động khác	471.289.000	519.987.000
Tổng cộng	114.767.508.178	112.109.536.747
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi	299.405.323	727.393.300
Tổng cộng	299.405.323	727.393.300
4. Chi phí tài chính	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	177.924.618	139.311.824
Tổng cộng	177.924.618	139.311.824
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên quản lý	7.922.038.435	7.630.920.013
Chi phí vật liệu quản lý	240.838.889	171.397.857
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.604.546	37.735.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.587.594	301.853.236
Thuế, phí và lệ phí	20.428.492	11.341.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.877.136	294.694.078
Chi phí bằng tiền khác	350.914.643	5.389.025
Tổng cộng	9.437.289.735	8.453.330.936
6. Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập khác	103.174.711	169.281.079
Tổng cộng	103.174.711	169.281.079
7. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí khác	349.971	1.080.015
Tổng cộng	349.971	1.080.015

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.520.008.688	11.015.975.748
Cộng các khoản chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập tính thuế	10.520.008.688	11.015.975.748
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp	2.104.001.738	2.203.195.150
Giảm 30% theo NĐ 92 (Covid-19)	631.200.521	660.958.545
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.472.801.216	1.542.236.605
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	17.373.602.866	15.560.306.689
Chi phí nhân công;	88.770.530.136	85.705.935.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	1.438.139.492	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	20.085.948.526	23.605.726.058
Chi phí khác bằng tiền.	371.343.135	2.199.519.921
Tổng cộng	128.039.564.155	127.071.488.665

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Số tiền đã thực nhận vay trong kỳ:	4.500.000.000	-
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	(1.160.928.000)	(761.782.000)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.446.036.631		289.987.234.571	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	72.475.874.072		58.496.845.823	
Tổng cộng	122.921.910.703	-	348.484.080.394	-

Công nợ tài chính

	31/12/2021	01/01/2021
Phải trả người bán, phải trả khác	71.497.514.486	296.310.345.582
Các khoản vay	7.697.778.000	4.358.706.000
Tổng cộng	79.195.292.486	300.669.051.582

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty ít chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải trả. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.446.036.631		50.446.036.631
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	72.475.874.072	-	72.475.874.072
Tổng cộng	122.921.910.703	0	122.921.910.703
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	71.497.514.486	-	71.497.514.486
Các khoản vay	1.985.928.000	5.711.850.000	7.697.778.000
Tổng cộng	73.483.442.486	5.711.850.000	79.195.292.486
Chênh lệch thanh khoản thuần	49.438.468.217	(5.711.850.000)	43.726.618.217

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	289.987.234.571		289.987.234.571
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	58.496.845.823	-	58.496.845.823
Tổng cộng	348.484.080.394	-	348.484.080.394

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	296.310.345.582	-	296.310.345.582
Các khoản vay	1.085.928.000	3.272.778.000	4.358.706.000
Tổng cộng	297.396.273.582	3.272.778.000	300.669.051.582

Chênh lệch thanh khoản thuần	51.087.806.812	(3.272.778.000)	47.815.028.812
-------------------------------------	-----------------------	------------------------	-----------------------

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Hoàng Quốc Tiến	Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Thành viên Hội đồng thành viên
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Kiểm soát viên
- Ông Nguyễn Ngọc Nga	Phó Giám đốc
- Bà Lâm Thị Hoàng Hương	Phó Giám đốc

3. Số công nợ phải thu với bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2021	01/01/2021
- Ông Nguyễn Ngọc Nga	Phải thu tạm ứng	380.659.500	425.659.500

4. Thu nhập của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc:

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập	2.763.000.000	2.418.000.000

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm 2021 đã được kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2021 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Công ty đang trong quá trình chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần theo chủ trương của Nhà nước.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Tiến Khoa

Nguyễn Anh Quân



Lê Trí Bá

